TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 08/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - Bà **Nguyễn Thị Bích Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Thuyên**

- Bà **Nguyễn Thị Huế**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu -** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST – HNGĐ ngày 20/11/2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cil K D, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Anh Hà H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Cil K D trình bày: Chị Cil K D và anh Hà H chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 03/3/2016 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh H không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu và dùng bạo lực với chị. Vì vậy, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12/2022. Anh H sống tại nhà của vợ chồng chị ở thôn Đ, xã Đ, huyện Lạc Dương; còn chị thì về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn, xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Cil K D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Cil Ra B, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn chị K D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cil Ra B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Do vợ chồng chị chung sống với nhau và có con trước khi đăng ký kết hôn nên khi làm giấy khai sinh của con chỉ có họ tên mẹ, còn họ tên cha thì bỏ trống. Chị K D xác định cháu Cil Ra B là con chung của chị và anh Hà H.

- Về tài sản chung: Chị Cil K D xác định để vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Chị Cil K D xác định vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Cil K D không còn yêu cầu gì khác.

2. Tại biên bản lấy lời khai anh Hà H trình bày: Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân như chị K D trình bày. Anh và chị K D chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến tháng 3/2016 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Anh H thừa nhận anh có uống rượu, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì có 01-02 lần anh đánh chị K D nhưng là do chị K D hay gọi điện thoại nói chuyện với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2022. Anh H sống tại nhà của vợ chồng anh ở thôn Đ, xã Đ, huyện Lạc Dương; còn chị K D thì về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn L, xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh không tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, chị K D có đơn xin ly hôn với anh thì anh H đồng ý.

- Về con chung: Anh H xác định anh và chị K D chung sống và có con trước khi đăng ký kết hôn, do đó trong giấy khai sinh của con chung là Cil Ra B chỉ có họ tên mẹ, không có họ tên cha nhưng anh H thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Cil Ra B, sinh ngày 04/5/2014 là con của anh và chị K D. Khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung cho chị K D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Hà H xác định để vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh Hà H xác định vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 06/12/2023, ngày 14/12/2023 nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cil K D, xử cho chị Cil K D và anh Hà H được ly

hôn. Về con chung: Đối với cháu Cil Ra B giao cho chị Cil K D chăm sóc nuôi dưỡng; anh Hà H không phải cấp dưỡng nuôi. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Cil K D có đơn xin ly hôn anh Hà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Cil K D và bị đơn anh Hà H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị Cil K D và anh Hà H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cil K D và anh Hà H chung sống như vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến tháng 3/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Chị K D và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống không được hòa thuận hạnh phúc nên chị K D làm đơn xin ly hôn với anh H do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài. Phía anh H cũng xác định đến nay vợ chồng không thể hàn gắn nên anh H đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị K D và anh H phát sinh là vợ chồng không tin tưởng trong quan hệ tình cảm, anh H thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Đến nay anh chị cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên thống nhất ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K D, xử cho chị K D và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Cil K D và anh Hà H có một con chung là Cil Ra B, sinh ngày 04/5/2014. Trong giấy khai sinh của cháu Cil Ra B chỉ có họ tên mẹ là Cil K D, không thể hiện họ tên cha. Tuy nhiên, chị K D và anh H xác định tại thời điểm đăng ký khai sinh là ngày 30/12/2014 thì chị K D và anh H chưa đăng ký kết hôn nên chỉ trong giấy khai sinh chỉ có họ tên chị K D, nhưng chị K D và anh H đều thừa nhận cháu Ra B là con chung của anh chị.

Chị K D có nguyện vọng được nuôi cháu Ra B, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Phía anh H cũng đồng ý giao con cho chị K D chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với lợi ích của con chung vì cháu Ra B đang được chị K D nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần ghi nhận. Do đó căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận

sự thỏa thuận này của chị K D và anh H, giao cháu Cil Ra B, sinh ngày 04/5/2014 cho chị K D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Cil K D và anh Hà H cùng xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Cil K D và anh Hà H cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Cil K D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cil K D, xử cho chị Cil K D và anh Hà H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Cil Ra B, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Cil K D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Hà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Cil K D phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Cil K D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002010 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Dương. Chị Cil K D đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thảo